

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 223/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1970; CCCD số: 048170007594 ngày cấp: 09/08/2021. Địa chỉ: đường P, phường A, TP Đà Nẵng

- *Bị đơn*: Ông **Võ Văn Đ**, sinh năm 1976; CCCD số: 048076006298. Địa chỉ: đường P, phường A, TP Đà Nẵng

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ thống nhất thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường A, quận S (nay là phường A), TP Đà Nẵng cấp ngày 15/7/2002 không còn giá trị pháp lý).

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Võ Văn N, sinh ngày: 12/07/1998 và Võ Văn T1, sinh ngày: 07/07/2003. Hiện nay cả 02 con đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ xác định không có.

- *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ xác định không có.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000đ thỏa thuận bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0004465 ngày 04/5/2026.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0004465 ngày 04/5/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND KV2;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ



THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Thế Tài